

ÔN TẬP VỀ VĂN HỌC

(Học kì I)

KẾT QUẢ CẦN ĐẠT

- *Nắm vững những kiến thức cơ bản về mỗi tác giả, tác phẩm trong sách giáo khoa Ngữ văn 11 Nâng cao, tập một.*
- *Hệ thống hoá những kiến thức ấy trên hai phương diện lịch sử văn học và thể loại.*

A – NỘI DUNG ÔN TẬP

Phân Văn học ở Học kì I chủ yếu gồm các tác phẩm văn học Việt Nam. Văn học nước ngoài chỉ có một tác phẩm : kịch *Rô-mê-ô và Giu-li-ét* (trích).

I – VĂN HỌC VIỆT NAM

1. Văn học trung đại

Các tác giả, tác phẩm văn học Việt Nam được học ở Học kì I gồm hai nhóm : nhóm thuộc thời kì trung đại và nhóm thuộc thời kì từ đầu thế kỉ XX đến năm 1945.

a) Những tác giả, tác phẩm văn học Việt Nam thời trung đại được học ở Học kì I đều thuộc những giai đoạn cuối cùng của thời kì này. Vì vậy, trước hết cần kết hợp ôn tập bài *Khái quát văn học Việt Nam từ thế kỉ X đến hết thế kỉ XIX* đã được học ở lớp 10 :

– Thời kì văn học trung đại Việt Nam phát triển qua mấy giai đoạn ? Những tác giả, tác phẩm văn học Việt Nam trong chương trình Học kì I ra đời vào những giai đoạn nào ? Vẽ sơ đồ quá trình phát triển của văn học trung đại Việt Nam qua các giai đoạn lịch sử và ghi tên các tác giả, tác phẩm nói trên vào đúng vị trí của chúng trong sơ đồ.

– Văn học trung đại Việt Nam trong hai giai đoạn cuối cùng (thứ ba, thứ tư) có những đặc điểm gì ? Thành phần chữ Hán, thành phần chữ Nôm phát triển ra sao ? Sự vận động mạnh mẽ của văn học theo hướng dân tộc hóa, dân chủ hóa trong văn học trung đại thể hiện cụ thể như thế nào ? Dẫn ra và phân tích những tác phẩm trong chương trình ở Học kì I để minh họa.

b) Những tác phẩm văn học Việt Nam trong chương trình Học kì I thuộc nhiều thể loại khác nhau : thất ngôn bát cú, thơ cổ thể, truyện Nôm, kí, chiếu, văn tế, thơ hát nói, kịch bản tuồng.

– Khi ôn tập, cần đọc lại các phần *Tri thức đọc - hiểu* để nắm chắc đặc điểm của các thể loại văn trên và ứng dụng vào việc phân tích, đánh giá các tác phẩm thuộc thể loại văn tương ứng.

– Ôn tập phải toàn diện, nhưng trước hết phải nắm được điều cốt yếu. Mỗi tác phẩm trong chương trình đều có đặc sắc riêng về nội dung và hình thức. Khi ôn tập, cần nắm được những đặc sắc cơ bản nhất của mỗi tác phẩm.

+ *Nguyễn Đình Chiểu, Truyện Lục Văn Tiên, Văn tế nghĩa sĩ Cân Giuộc, Chay giác*. Điều đặc sắc ở Nguyễn Đình Chiểu là nhiệt tình đấu tranh cho đạo đức. Tinh thần vì dân, thương dân là cơ sở đạo đức của Nguyễn Đình Chiểu, vì thế đạo đức trở thành tình cảm yêu ghét phân minh, dứt khoát. Văn thơ Nguyễn Đình Chiểu bao giờ cũng chân thật, chất phác, bộc trực, rất Nam Bộ. *Văn tế nghĩa sĩ Cân Giuộc* là một kiệt tác xuất hiện đột ngột trong đời sống văn học Việt Nam cuối thời trung đại với hình ảnh những người nông dân nghĩa sĩ lần đầu tiên được khắc họa đẹp một cách hùng tráng, lầm liệt ngay trong cái vẻ chất phác và lam lũ rất hiện thực của người nông dân.

+ *Tự tình* (bài II) của Hồ Xuân Hương, *Bài ca ngắn đi trên bãi cát* của Cao Bá Quát, *Bài ca ngất ngưởng* của Nguyễn Công Trứ. Qua ba bài thơ này, các tác giả mỗi người theo cách riêng, đều công khai khẳng định cá tính độc đáo của mình. Văn thơ của họ thể hiện sự bức bối của lịch sử muôn tung phá cái khuôn khổ chật hẹp, tù túng và già dối của chế độ phong kiến trong thời kì suy thoái.

+ *Câu cá mùa thu, Khóc Dương Khuê* của Nguyễn Khuyến, *Thương vợ* của Tú Xương, *Bài ca phong cảnh Hương Sơn* của Chu Mạnh Trinh là những bài thơ trữ tình viết về tình bạn, tình gia đình và tình cảm đối với thiên nhiên, còn *Tiến sĩ giấy* của Nguyễn Khuyến và *Vịnh khoa thi Hương* của Tú Xương là những bài thơ trào phúng. Tuy đề tài, bút pháp, giọng điệu khác nhau, nhưng tất cả đều thể hiện lòng yêu nước và đạo lí làm người của những nhà nho chân chính.

+ *Các bài kí*. Kí xuất hiện và nở rộ trên cơ sở tình hình xã hội có nhiều biến động và ý thức cá nhân đã khá phát triển ở người cầm bút. Nét đặc sắc đáng chú ý của kí : sự xuất hiện *cái tôi* cá nhân của người viết và sự sử dụng bút pháp tả thực.

+ *Kịch bản tuồng Son Hậu*. Phân tích tư tưởng trung hiếu qua hình tượng hai mẹ con Đồng Mẫu. Đọc *Tri thức đọc - hiểu* về nghệ thuật tuồng và vận dụng phân tích đoạn trích *Đồng Mẫu* trong vở tuồng.

2. Văn học thời kì từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945

a) Đọc kỹ bài *Khái quát văn học Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945*. Chú ý : Các đặc điểm của văn học thời kì này, những thành tựu trong công cuộc đổi mới trên các thể loại văn học, sự phân hoá của văn học – hai bộ phận (hợp pháp và bất hợp pháp), hai khuynh hướng thẩm mỹ chính (hiện thực và lãng mạn).

Những hiểu biết nói trên sẽ soi sáng cho sự tìm hiểu các tác gia, tác phẩm văn học trong chương trình Học kì I.

b) Những tác phẩm văn học thuộc thời kì từ đầu thế kỉ XX đến năm 1945 trong chương trình Học kì I chủ yếu thuộc thể truyện ngắn. Ngoài ra có tiểu thuyết và hai thể loại hoàn toàn mới : phỏng sự và kịch.

– Cần đọc lại các phần *Tri thức đọc - hiểu* để nắm chắc đặc điểm của các thể loại và ứng dụng vào việc phân tích, đánh giá các tác phẩm thuộc thể văn tương ứng.

– Khi phân tích, đánh giá các tác phẩm, ngoài hiểu biết về đặc trưng thể loại của chúng cần nắm được những đặc sắc riêng của từng tác phẩm. Cũng là truyện ngắn hiện đại nhưng *Hai đứa trẻ* thuộc loại truyện trữ tình, truyện diễn ra chủ yếu trong nội tâm nhân vật, nhân vật hầu như không có hành động gì. Người ta gọi là loại truyện "không có chuyện". *Chữ người tù* chủ yếu dùng thủ pháp đối lập (đối lập giữa bóng tối và ánh sáng, giữa cái đẹp và sự nhơ bẩn, giữa thiên lương và tội ác). *Chi Phèo* là một truyện ngắn có dung lượng rất lớn để cập đến cuộc đời và số phận một con người. Đây là tẩn bi kịch của một nông dân bị huỷ hoại cả nhân tính lẫn nhân hình, muốn trở lại làm người mà bị xã hội từ chối ; nghệ thuật diễn tả tâm lí xuất sắc : theo dõi và phân tích cả một quá trình diễn biến tâm lí phức tạp của nhân vật. *Tinh thần thể dục* là một truyện ngắn trào phúng. Cần tìm hiểu mâu thuẫn trào phúng của tác phẩm và thủ pháp giễu nhại được sử dụng như thế nào. *Đời thừa* viết về thân phận một trí thức nghèo bị đặt vào một tình huống bi kịch (gồm hai mâu thuẫn : Khát vọng thì lớn nhưng cuộc sống túng quẫn "áo cơm ghì sát đất" không cho phép đạt được, coi thương yêu con người là lẽ sống mà lại tự mình vi phạm vào chính lẽ sống ấy). *Đời thừa* còn là một tuyên ngôn nghệ thuật rất tiến bộ và sâu sắc của Nam Cao. "*Vi hành*" thì đặc sắc nhất là sự sáng tạo tình huống độc đáo và sự chuyển cảnh, chuyển giọng rất linh hoạt, nghệ thuật châm biếm sắc sảo. *Cha con nghĩa nặng* và *Số đỏ* là hai cuốn tiểu thuyết. *Cha con nghĩa nặng* tuy là tiểu thuyết hiện đại nhưng ra đời trong thời kì quá độ nên còn mang nhiều yếu tố của tiểu thuyết trung đại : kết cấu chương hồi và kết thúc có hậu. Còn *Số đỏ* là tiểu thuyết trào phúng xuất sắc. Mỗi chương là một

tán hài kịch xoay quanh một mâu thuẫn gây cười. Hãy tìm hiểu mâu thuẫn gây cười trong chương *Hạnh phúc của một tang gia*. *Vũ Như Tô* là một vở kịch lịch sử có quy mô hoành tráng. Đó là đặc điểm chung của tác phẩm Nguyễn Huy Tưởng.

II – VĂN HỌC NƯỚC NGOÀI

Phân Văn học nước ngoài ở Học kì I chỉ có một vở kịch *Rô-mê-ô và Giu-li-ét* (trích đoạn). Cần đọc kỹ phần *Tri thức đọc - hiểu* để vận dụng vào phân tích đoạn trích tác phẩm này : mâu thuẫn kịch, ngôn ngữ đối thoại, đọc thoại, giá trị nhân văn,...

III – LÍ LUẬN VĂN HỌC

Chú ý vận dụng kiến thức lí thuyết vào thực hành đọc - hiểu các tác phẩm cụ thể. Ở đây là vận dụng những kiến thức về đặc điểm của thể loại tiểu thuyết, truyện ngắn và kịch bản văn học ở các bài về lí luận văn học trong sách giáo khoa *Ngữ văn 11 Nâng cao* vào việc đọc - hiểu các truyện ngắn *Hai đứa trẻ* (Thạch Lam), *Chữ người tử tù* (Nguyễn Tuân), "Vi hành" (Nguyễn Ái Quốc), *Tinh thần thế dục* (Nguyễn Công Hoan), *Chí Phèo, Đời thừa* (Nam Cao) và đoạn trích *Vịnh biệt Cửu Trùng Đài* (kịch *Vũ Như Tô* của Nguyễn Huy Tưởng).

B – PHƯƠNG PHÁP ÔN TẬP

Học sinh lập đề cương phát biểu về các vấn đề nêu trong nội dung ôn tập ; đến lớp thảo luận dưới sự hướng dẫn của giáo viên.